TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 53/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 28-10-2019
V/v Tranh chấp ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Bà Phan Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8 và 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2019/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về *"tranh chấp ly hôn và con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số 10/2019/TB-TA ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thùy D, sinh năm: 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 75, đường H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thùy D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà D tự nguyện sống chung với ông Nguyễn Anh T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước vào năm 2013. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, cuộc hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly

thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nay bà D xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đình Khả N, sinh ngày 26/3/2016, hiện đang sống chung với ông T. Khi ly hôn bà D xin được nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà D không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Anh T vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc. Căn cứ biên bản xác minh ngày 08/6/2019 của Tòa án xác minh tại Công an thị trấn L xác định: ông Nguyễn Anh T có đăng ký hộ khẩu tại số nhà 75, đường H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước và hiện nay vẫn còn ở địa phương.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho ông T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo luật định. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội D: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thùy D.

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Thùy D và ông Nguyễn Anh T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đình Khả N, sinh ngày 26/3/2016 cho bà D nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Đỗ Thị Thùy D có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về con chung với ông Nguyễn Anh T nên xác định quan hệ

pháp luật trong vụ án là "tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét ông T cư trú tại khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là ông Nguyễn Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 67/2014 ngày 08/8/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà D. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà D thì giữa bà D và ông T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc . Đến năm 2018 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nay bà D xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu được ly hôn. Đối với ông T, tại phiên Tòa ông T vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông T không đến làm việc cũng như tham gia hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 05/7/2019 của Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Ninh thì vợ chồng bà D, ông T hiện không còn sống chung với nhau. Ngoài ra theo lời khai của bà Trương Thị Mai là mẹ của ông T cũng xác định quá trình sống chung tại nhà của bà Mai thì vợ chồng bà D, ông T có phát sinh mâu thuẫn và đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[4] Về con chung: Bà D và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Đình Khả N, sinh ngày 26/3/2016 hiện đang sống chung với bà D. Bà D khai từ khi ly thân đến tháng 3/2019 cháu Ngân sống chung với bà, việc ông T đưa con về nuôi bà D không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Nay bà D xin được nuôi dưỡng con.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông T không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung. Cháu Ngân mặc dù hiện đang sống chung với ông T nhưng qua lời khai của bà D và qua xác minh tại địa phương thì từ thời gian bà D, ông T sống ly thân là tháng 11/2018 đến tháng 3/2019 cháu Ngân sống với bà D. Về điều kiện sống, thu nhập của các bên: căn cứ xác nhận của Bưu điện thị xã T, tỉnh Bình Dương và các bảng lương do bà D cung cấp thì hiện bà D đang làm nhân viên Bưu điện thị xã T, tỉnh Bình Dương, thu nhập bình quân hàng tháng

10.000.000đ. Trong khi đó, tại công văn số 715/CSLN-TC-LĐTL ngày 12/9/2019 của công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên C cho biết ông Nguyễn Anh T đã nghỉ việc tại công ty vào tháng 4 năm 2019. Như vậy hiện ông T không chứng minh được về điều kiện sống và thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống tốt nhất và quyền lợi về mọi mặt của con, xét thấy việc giao cháu Ngân cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có nên không xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thùy D

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Thùy D và ông Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đình Khả N, sinh ngày 26/3/2016 cho bà Đỗ Thị Thùy D nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà D chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0000231 ngày 31/5/2019

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng có bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND TT Lộc Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Khánh Duyên